

CẢI CÁCH THUẾ THÂN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN CẦM QUYỀN CỦA CHÍNH PHỦ MẶT TRẬN NHÂN DÂN PHÁP: QUAN ĐIỂM “CÔNG BẰNG HÓA” Ở THUỘC ĐỊA

TRẦN XUÂN TRÍ*

Thuế thân (impôt de capitation) còn gọi là thuế dung, thuế đinh, thân tiền, mạng tiền (impôt du corps, impôt du liens) hoặc thuế đầu người (impôt par tête), là loại thuế phổ biến ở cả phương Đông và phương Tây thời Trung đại. Ở Việt Nam, thuế thân được thiết đặt từ thời quân chủ và tiếp tục được chính quyền thuộc địa Pháp duy trì như một công cụ hữu hiệu để đảm bảo nguồn thu tài chính, điều tiết kinh tế, xã hội. Cho đến năm 1936, chính quyền thuộc địa Pháp đã nhiều lần tiến hành sửa đổi chế độ thuế thân người bản xứ ở Việt Nam. Xu hướng chung và đặc trưng nổi bật qua các lần sửa đổi là mở rộng đối tượng chịu thuế và tăng mức thuế. Trong khi đó, cơ sở đánh thuế gần như không có sự thay đổi, chủ yếu dựa vào giới tính và độ tuổi (1). Việc duy trì chế độ thuế thân và đánh thuế không có sự phân biệt quy mô sở hữu tài sản, thu nhập giữa các đối tượng trở thành gánh nặng đối với hầu hết người dân bản xứ, nhất là nông dân nghèo, tá điền, công nhân và lực lượng phu phen.

Sau khi thành lập vào năm 1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã tiến hành nhiều cải cách về chính trị, kinh tế, xã hội ở các thuộc địa trong đó có Việt Nam. Đã có một số nghiên cứu về chính sách của Pháp

ở Việt Nam trong giai đoạn 1936- 1939, nhưng chủ yếu đề cập tới khía cạnh tự do báo chí, tự do dân chủ, thả chính trị phạm. Trong khi đó, thuế thân - một trong những cải cách kinh tế - tài chính và xã hội quan trọng ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nào đề cập tới. Quan điểm cốt lõi của Pháp trong cải cách thuế thân người bản xứ ở Việt Nam ở giai đoạn này là “công bằng hóa”. Vậy, tại sao trong giai đoạn này chính quyền Pháp lại tiến hành cải cách thuế thân? Thực chất của sự “công bằng hóa” trong thuế thân là gì? Có hay không mâu thuẫn giữa cải cách với quyền lợi của chính quyền thuộc địa, giữa lợi ích của người nghèo với giới hữu sản giàu có? Giải quyết những vấn đề trên không chỉ góp phần làm sáng tỏ một khía cạnh trong đời sống kinh tế - xã hội thuộc địa Việt Nam, mà còn thấy được mối liên hệ giữa chính sách chung đối với các thuộc địa trong giai đoạn cầm quyền của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp.

Vì vấn đề khá rộng về không gian và nội dung, cho nên trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi tập trung đề cập, làm rõ cải cách thuế thân đối với người Việt của chính quyền thuộc địa Pháp ở Trung Kỳ. Đồng thời, cũng xem xét mối quan hệ so sánh giữa cuộc cải cách thuế thân ở Trung Kỳ với Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

*TS.Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp: Sự hiện diện quyền lực và chính sách ở Việt Nam

Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đã gây ra những hậu quả nặng nề đối với nước Pháp: kinh tế suy sụp, nạn thất nghiệp gia tăng, đời sống người lao động gặp nhiều khó khăn. Các cuộc đấu tranh của công nhân và người lao động bùng nổ khắp nơi nhằm gây sức ép buộc giới chủ và Chính phủ Pháp tăng lương, giảm giờ làm và nhất là thực hiện chế độ lao động 40 giờ mỗi tuần (8 giờ/ngày). Tình hình kinh tế - xã hội bất ổn khiến nội bộ chính quyền Pháp chia rẽ, trong hơn 6 năm (từ tháng 2-1930 đến 6-1936), nội các Pháp 16 lần bị đổ và thay đổi Thủ tướng.

Trong hai năm 1935 - 1936, để giải quyết vấn đề kinh tế, Chính phủ của Thủ tướng Pierre Laval đã tiến hành cắt giảm 10% chi tiêu công, tăng thuế, giảm lương của viên chức và trợ cấp cho cựu chiến binh,... Tuy nhiên, nước Pháp tiếp tục rơi vào bất ổn, nội bộ chính phủ bị chia rẽ, nguy cơ của chủ nghĩa phát xít rình rập đe dọa nền dân chủ của Pháp.

Trong bối cảnh đó, sau chuyến thăm của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp tới Moscow (năm 1934), Đảng Cộng sản Pháp đã liên kết với Đảng Xã hội và Đảng Cấp tiến tố cáo, tấn công Chính phủ Pierre Laval. Trong cuộc bầu cử nghị viện diễn ra vào tháng 4-1936, liên minh ba đảng này đưa ra khẩu hiệu “bánh mì, hòa bình, tự do và chống phát xít”. Điều này đã thu hút được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng lao động Pháp, giúp liên minh ba đảng giành chiến thắng với 333 phiếu trên tổng số 614 phiếu (2).

Tháng tháng 6-1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp được thành lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Xã hội Pháp, đứng đầu là Léon Blum. Thành viên của Đảng Cộng sản không tham gia chính phủ nhưng

cam kết ủng hộ hết mình cho chính phủ mới. Sự thành lập Chính phủ của Mặt trận Nhân dân Pháp không chỉ mang tới những hy vọng lớn lao cho nhân dân và người lao động Pháp, mà cũng cho nhân dân các thuộc địa của Pháp, trong đó có Việt Nam. Bởi vì, ngay sau khi được thành lập, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã đưa ra nhiều thông điệp và hứa hẹn sẽ tiến hành cải cách kinh tế - xã hội vì lợi ích của người lao động và dân nghèo.

Trên thực tế, ngay sau khi thành lập, Chính phủ Léon Blum đã thi hành một loạt các chính sách để củng cố kinh tế, cải thiện đời sống công nhân và người lao động Pháp: buộc giới chủ tăng từ 7 đến 15% tiền lương cho người lao động; ban hành Luật ngày làm 8 giờ, Luật nghỉ phép 12 ngày mỗi năm được hưởng lương; thành lập Văn phòng bột mỳ để ổn định thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân. Chính phủ tiến hành quốc hữu hóa mạng lưới đường sắt và thành lập Công ty đường sắt quốc gia, kiểm soát công nghiệp chiến tranh và kiểm soát Hội đồng quản trị Ngân hàng Pháp.

Đối với các xứ thuộc địa và bảo hộ, Chính phủ Pháp chủ trương nói lỏng quyền tự do dân chủ, thực hiện chính sách “dân chủ hóa” và “công bằng hóa” trong khuôn khổ ở các xứ thuộc địa và bảo hộ. Để thực hiện đường lối cai trị mới ở thuộc địa và các xứ bảo hộ, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp thực hiện hai bước đi đầu tiên: bổ nhiệm mới người đứng đầu và cử các phái đoàn tới các xứ thuộc địa, bảo hộ để điều tra tình hình. Việc bổ nhiệm nhân sự mới ở bộ chủ quản (Bộ Thuộc địa) và ở các xứ thuộc địa, bảo hộ có vai trò rất quan trọng trong việc truyền tải, thực thi các chính sách mới của chính quyền Pháp. Người được lựa chọn bổ nhiệm hầu hết là những nhân vật thuộc Đảng Xã hội, có tư tưởng, triết lý cai trị hoặc có quan hệ thân cận với Chính phủ mới.

Ngày 4-6-1936, Marius Moutet, luật sư, đảng viên Đảng Xã hội Pháp, thành viên của Ủy ban trung ương Hội nhân quyền Pháp, chuyên gia trong các vấn đề thuộc địa, được Léon Blum bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Thuộc địa để triển khai chính sách mới của chính quyền Mặt trận Nhân dân. Tiếp đó, hàng loạt vị trí đứng đầu ở thuộc địa được Chính quyền Pháp bổ nhiệm mới: Marcel de Coppet (Toàn quyền Tây Phi), Auguste Noguès (Tổng Trú sứ ở Maroc), Armand Guilon (Tổng Trú sứ ở Tunisie),... (3). Đối với Đông Dương, Chính phủ Pháp đã lựa chọn và bổ nhiệm Jules Brévié vào vị trí tân Toàn quyền. Jules Brévié từng là Toàn quyền Tây Phi thuộc Pháp, được đánh giá là người mềm mỏng, có nhiều kinh nghiệm trong các vấn đề ở thuộc địa.

Tháng 1-1937, Jules Brévié có mặt tại Sài Gòn, sau đó tiến hành một số cuộc kinh lý ở các tỉnh Nam Kỳ và Trung Kỳ, gặp gỡ, trao đổi thông tin với chính quyền sở tại và điền chủ nơi ông ta tới. Jules Brévié một mặt vỗ về quan lại cai trị địa phương, mặt khác thể hiện sự quan tâm, ít nhất là về bề ngoài, đối với người dân bản xứ. Ông chỉ trích chế độ thuế khóa nặng nề ở Đông Dương và hứa hẹn sẽ đưa ra những cải cách phù hợp.

Về việc cử các phái đoàn tới điều tra ở các xứ thuộc địa và bảo hộ, ngày 30-1-1937, Nghị viện Pháp thông qua Luật thành lập một ủy ban điều tra ở các thuộc địa. Nhiệm vụ của ủy ban này là xem xét nhu cầu và nguyện vọng của nhân bản xứ. Ủy ban điều tra thuộc địa đặt dưới sự chỉ đạo của Henri Guernut - thành viên của Đảng Xã hội Pháp, người nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ nhân quyền và quyền công dân ở Pháp (4). Ủy ban điều tra thuộc địa gồm 4 tiểu ban: Tiểu ban điều tra ở Tunisie và Maroc; Tiểu ban điều tra các thuộc địa Pháp ở châu Mỹ, Trung Phi,

Madagascar và đảo Réunion; Tiểu ban điều tra ở Đông Dương, các vùng thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ và các đảo trên Thái Bình Dương (5).

Trưởng phái đoàn điều tra ở Đông Dương là Justin Godart, một luật sư, thành viên của Đảng Xã hội, cựu Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Y tế Pháp, là người am hiểu, có kinh nghiệm trong các vấn đề lao động, y tế ở Pháp và các xứ thuộc địa. Godart tới Sài Gòn cùng thời điểm với Jules Brévié. Từ ngày 1-1 đến 14-3-1937, phái đoàn của Godart đã tiến hành điều tra tại các tỉnh Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Trong báo cáo dài 48 trang (6) gửi cho Chính phủ Pháp, Godart tập trung chỉ ra những tồn tại, hạn chế, bất cập đè nặng lên người dân thuộc địa, đặc biệt là chế độ lao động, thuế khóa và đời sống bần cùng của người dân (7).

Trên cơ sở đường lối cai trị mới của Chính phủ Mặt trận Nhân dân và kết quả điều tra của phái đoàn Godart, chính quyền thuộc địa Pháp chủ trương xem xét nối lỏng quyền tự do dân chủ và cải cách chính trị, kinh tế - xã hội ở Việt Nam, nhất là các vấn đề liên quan tới quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, cải cách chế độ lao động, thuế khóa, trong đó có thuế thân.

2. Phản ứng của dư luận và quan điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương

Sự hiện diện quyền lực và những động thái của Chính phủ và chính quyền thuộc địa Pháp đã gây ra những phản ứng khác nhau trong dư luận ở Việt Nam. Giới tư sản, địa chủ thân Pháp, thậm chí là một bộ phận trung lập bắt đầu ca ngợi chính quyền thuộc địa và chính sách mới của Pháp. Sau khi dẫn lại lời chỉ trích của Jules Brévié đối với chế độ thuế khóa ở Việt Nam, tờ *Công Luận* số ra ngày 10-8-1937, đã ca ngợi: “lòng nhân đức của quan Toàn quyền làm cho nhân dân hết sức cảm động” (8). Chính luồng dư luận

như vậy đã khiến không ít người hy vọng và ảo tưởng vào đường lối mới của chính quyền thuộc địa Pháp.

Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những phân tích, đánh giá và chỉ đạo kịp thời đối với phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân. Trong “Thơ công khai của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi các đồng chí toàn Đảng”, Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ rõ: chính phủ Léon Blum vẫn là chính quyền tư bản, mặc dù có một số nhượng bộ cho thuộc địa nhưng chế độ thống trị và bóc lột vẫn được duy trì. Cần ủng hộ những chính sách tiến bộ của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp, nhưng việc ủng hộ ấy “là một sự tương đối và tạm thời, vì Chính phủ ấy không phải là Chính phủ cách mạng” (9). Nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương là phải tiếp tục tranh đấu, vì “Hễ quần chúng ở Pháp và các nước thuộc địa không kể tục tranh đấu, không giám thị hành động chính phủ thì họ sẽ phản bội quyền lợi của quần chúng rất dễ tiện” (10). Vậy ủng hộ Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp ở những phương diện nào? Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ rõ: “cần ủng hộ chính sách hòa bình, chiến lược chống phát xít và chống chiến tranh của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp” (11). Đảng Cộng sản Đông Dương nhấn mạnh, nhiệm vụ và mục tiêu đấu tranh trước mắt là đòi Chính phủ Pháp thực hiện các cải cách xã hội: thả chính trị phạm, thi hành Luật ngày làm 8 giờ, tăng lương, cải thiện điều kiện sinh hoạt, bỏ thuế, bỏ nợ, bỏ địa tô,... Vì nếu không tranh đấu thì những cải cách sẽ không được thi hành. Đầu năm 1938, Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ thị cho các tổ chức Đảng ở các địa phương “Phải lãnh đạo quần chúng nhân dân đòi miễn thuế thân cho dân nghèo, đòi giảm thuế cho các tầng lớp tiểu tư sản, đòi thi hành chế độ thuế dân chủ, đánh thuế lũy tiến đối với lợi tức nhằm

bắt người giàu chịu thuế đúng mức” (12). Để tập hợp quần chúng nhân dân đấu tranh, gây sức ép buộc chính quyền thuộc địa Pháp tiến hành cải cách, Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ rõ: “Phải tùy trình độ của quảng đại nông dân mà đưa ra những khẩu hiệu cho thích hợp với tâm lý và quyền lợi thiết thực mà hiệu triệu họ, như cải cách sưu thuế theo lối dân chủ, giảm địa tô và miễn hẳn sưu, thuế,... Ở Trung Kỳ, phải phát động phong trào cải cách sưu thuế” (13).

Bên cạnh đấu tranh đòi quyền lợi trước mắt, Đảng Cộng sản Đông Dương tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ dân tộc: “không những không được quên nhiệm vụ tranh đấu đòi cho Đông Dương được độc lập hoàn toàn, trái lại chúng ta phải cương quyết tranh đấu hơn trước” (14). Vì, Chính phủ Pháp không muốn và không thể giải quyết độc lập cho xứ Đông Dương (15).

Từ sự phân tích thái độ, bản chất của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp và chính quyền thuộc địa, từ năm 1936 đến năm 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo quần chúng lao khổ Việt Nam tiến hành đấu tranh đòi tự do dân chủ, đòi cải cách về chính trị, kinh tế, xã hội, trong đó có cải cách thuế thân. Phong trào đấu tranh đòi cải cách, xóa bỏ thuế thân của nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Trung Kỳ nói riêng diễn ra dưới nhiều hình thức: thu thập đưa dân nguyện; mít tinh, biểu tình; đấu tranh trên báo chí; đấu tranh trên nghị trường.

Từ năm 1936, phong trào thu thập và gửi dân nguyện, mít tinh, biểu tình của nhân dân Việt Nam diễn ra mạnh mẽ ở cả 3 kỳ, trong đó có yêu cầu chính quyền Pháp cải cách các loại thuế, nhất là thuế thân. Từ tháng 8-1936 đến tháng 1-1937, trong cả nước đã nổ ra 339 cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân, thu hút gần 63 nghìn người tham gia. Ở Trung Kỳ, ngày 23-2-1937, hơn 6.000 nông dân và công nhân đã

tổ chức biểu tình tại Vinh, nhân dịp phái đoàn của Justin Godart tới Trung Kỳ điều tra tình hình (16). Trong suốt hành trình của Godart từ Nghệ An vào Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, quần chúng nhân dân Trung Kỳ đã tham gia đón rước, đưa đơn thỉnh cầu đòi tự do dân chủ, đòi cải cách, giảm gánh nặng các loại thuế, gồm cả thuế thân. Phong trào phát triển rầm rộ nhất ở Quy Nhơn, Quảng Ngãi, đặc biệt là phong trào ở Đà Nẵng thu hút hơn 6 nghìn người tham gia (17).

Trên lĩnh vực báo chí, nhiều tờ báo cho đăng tải các bài viết tố cáo chính sách bóc lột sưu thuế và chế độ lao dịch tàn bạo của chính quyền Pháp và nói lên nguyện vọng của nhân dân Việt Nam. Trong nhiều số, báo *Ngày Nay* cho đăng tải các bài viết vạch trần sự bóc lột của thực dân Pháp và chỉ ra sự vô lý và gánh nặng của thuế thân đối với người dân. Trong số ra ngày 27-12-1936, tờ *Ngày Nay* phân tích: “Không có một xứ nào như nước ta, không có một xứ nào dân nghèo lại chịu thuế một cách nặng nề hơn người nước giàu có [...], thuế thân, một thứ thuế không còn có ở các nước văn minh, một thứ thuế mà một ông giàu mặc áo gấm cũng chỉ chịu bằng một người khổ rách”. Từ sự phân tích trên, bài báo nêu lên nguyện vọng của nhân dân Việt Nam: “... chúng tôi mong rằng Chính phủ Bình dân sẽ bỏ một bên quyền lợi của một dùm đại tư bản, dựa vào số đông mà bỏ thuế thân [...], để cho toàn thể dân Annam được trông thấy sự công bằng về sưu thuế” (18). Trong số ra ngày 18-3-1937, báo *Tiếng Dân*, nêu lên nỗi thống khổ của nhân dân Thanh Hóa khi bị chính quyền bắt đi lao dịch làm đường. Trước đó, trong số ra ngày 1-1-1937, báo *Tiếng Dân* cũng đã nêu lên nguyện vọng chung của nông dân và tiểu tư sản ở thôn quê là muốn bớt phần đảm phụ và sưu thuế (19). Tờ *Tràng An* báo, số ra ngày 2-8-1937, nêu quan điểm rằng,

nếu không có thể bỏ được thuế thân thì dân Trung Kỳ mong mỗi được cải cách chế độ thuế thân làm sao được công bằng hơn (20).

Từ năm 1937, dưới sự lãnh đạo và ảnh hưởng của các tổ chức Đảng Cộng sản Đông Dương, một số nghị viên tiến bộ có cảm tình với Đảng Cộng sản Đông Dương trong Viện Dân biểu Trung Kỳ đã sử dụng diễn đàn nghị trường để đấu tranh yêu cầu chính quyền Pháp tiến hành cải cách chế độ thuế thân. Trong chương trình nghị sự năm 1937, ngoài các vấn đề chính trị, pháp luật, Viện Dân biểu Trung Kỳ đã đưa nội dung “Bớt thuế đình để đỡ cho dân nghèo” vào bản thảo (21). Trong kỳ họp này, hầu hết các nghị viên dân biểu của các tỉnh Trung Kỳ đều thống nhất yêu cầu chính quyền Pháp giảm bớt thuế thân, bỏ các khoản phụ thu của thuế thân cho người dân: “Xứ Trung Kỳ chúng tôi người đông, đất xấu, kỹ nghệ thương mại đều không phát triển. Sự sinh hoạt của nhân dân bởi thế khốn đốn vô cùng. Tình cảnh như vậy mà thuế khóa nặng nề, nhân dân nhiều khi không biết gì mà cung cấp cho công quỹ. Bởi vậy, kỳ hội đồng vừa rồi Chính phủ có hỏi về vấn đề thuế đình và thuế điền, Viện chúng tôi đồng thanh yêu cầu hủy bỏ khoản bách phân, phụ nạp trong hai món thuế ấy” (22). Trong các khóa họp năm 1937 - 1938, Viện Dân biểu Trung Kỳ tiếp tục đề xuất, thảo luận và gây sức ép buộc chính quyền Pháp tiến hành cải cách thuế thân. Trước sức ép của các nghị viên, đại diện chính quyền Pháp hứa sẽ giảm thuế thân cho dân nghèo, nhưng giảm dần dần, bằng việc cải cách.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân dưới nhiều hình thức, phương pháp khác nhau đã tạo sức ép rất lớn đối với chính quyền thuộc địa Pháp. Một mặt, chính quyền thuộc địa tìm cách ngăn cản, đàn áp phong trào, mặt khác, chúng

buộc phải tiến hành cải cách thuế khóa để xoa dịu tinh thần đấu tranh của người dân.

3. “Công bằng hóa” chế độ thuế thân: Những mâu thuẫn quan điểm và lợi ích

Mặc dù có một số chính sách tiến bộ hơn chính quyền tiền nhiệm, nhưng Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp chỉ có chủ trương nói lỏng các quyền tự do và giảm bớt một phần gánh nặng thuế khóa cho các hạng dân nghèo bản xứ để làm sao vừa đảm bảo lợi ích kinh tế - tài chính của chính quyền Pháp, vừa xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân, củng cố vững chắc nền cai trị của Pháp ở Việt Nam. Quan điểm này thể hiện rõ qua tuyên bố của Marius Moutet (Bộ trưởng Bộ Thuộc địa): “Chính phủ Pháp sẽ dùng đủ các phương pháp để duy trì khai thác thuộc địa, để trợ vốn cho các thuộc địa” (23). Tiếp tục khai thác thuộc địa để tăng nguồn thu qua bóc lột thuế khóa và giảm bớt gánh nặng thuế cho bộ phận dân nghèo, hai vấn đề này hướng tới hai mục tiêu tối thượng của chính quyền thực dân Pháp là: nguồn thu tài chính và ổn định chính trị - xã hội. Đối với một xứ gần như dựa hoàn toàn vào kinh tế nông nghiệp, thành phần dân cư chủ yếu là nông dân nghèo, Chính phủ Léon Blum và chính quyền thuộc địa đặc biệt chú ý tới chính sách đối với nông dân nghèo để ổn định kinh tế - xã hội ở nông thôn. Marius Moutet nêu rõ rằng, cần ưu tiên cho việc hiện đại hóa cấu trúc kinh tế ở nông thôn. Cùng quan điểm này, Toàn quyền Jules Brévié chỉ ra rằng: chi phí thuế nặng nề, thiếu ruộng đất, lương thực và nạn đói là những vấn đề đang đè nặng lên người nông dân ở các vùng nông thôn. Chính vì thế giải quyết các vấn đề này có vai trò quan trọng để ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo sự cai trị của Pháp ở Đông Dương: “Vấn đề nông dân có ý nghĩa quyết định tới tương lai của Đông Dương” (24).

Để đạt được hai mục tiêu này, từ năm 1937, chính quyền thuộc địa Pháp bắt đầu có những nghiên cứu, đề xuất cải cách chế độ thuế thân nhằm giảm một phần gánh nặng cho các hạng dân nghèo ở Việt Nam. Những đề xuất cải cách bắt nguồn trực tiếp từ những bất cập của chế độ thuế thân, nhất là cơ sở đánh thuế và mức thuế.

Từ năm 1919, chính quyền thuộc địa Pháp thực hiện chính sách “nhất thể hóa thuế quan”, trong đó có thuế thân. Theo đó, trừ những đối tượng được miễn, mỗi nam giới người Việt Nam đủ từ 18 đến 60 tuổi (không phân biệt nội hay ngoại đình, không phân biệt giàu hay nghèo, không phân biệt quy mô sở hữu tài sản) đều phải nộp đồng nhất một mức thuế hàng năm là 2,5 đồng bạc Đông Dương (piastres). Mức thuế này tương đương khoảng 2 tạ gạo trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) và gần 1 tạ gạo trong những năm 1935 - 1937 (25). Chính sách nhất thể hóa thuế thân, cùng với sự gia tăng dân số đã mang lại cho chính quyền thuộc địa một nguồn thu lớn và tăng hàng năm. Năm 1885, nguồn thu từ thuế thân (gồm cả người Việt, người Hoa và người Minh Hương) chỉ đạt 3,2 triệu francs. Đến năm 1935, chính quyền thuộc địa Pháp đã thu được 113.326.000 francs thuế thân và 19.044.000 francs tiền sưu (26).

Sự gia tăng nguồn thu từ thuế thân của chính quyền thuộc địa Pháp đồng nghĩa với sự gia tăng gánh nặng thuế đối với người dân Việt Nam, nhất là bộ phận dân nghèo. Nông dân chiếm đại bộ phận trong thành phần dân cư, không có hoặc có ít ruộng đất, nhưng phải đóng mức thuế giống như những thành phần cư dân giàu có khác (địa chủ, tư sản, điền chủ). Vì là thành phần dân cư đông đảo nhất và nghèo nhất, nên nông dân và các hạng dân nghèo khác chính là lực lượng đóng góp lớn nhất vào nguồn thu thuế thân của chính quyền thuộc

địa. Đây chính là bất cập lớn nhất của chế độ thuế thân và là một trong những nguyên nhân khiến phong trào đấu tranh đòi cải cách, xóa bỏ thuế thân của nông dân và dân nghèo ngày càng dâng cao.

Từ sự bất cập của chế độ thuế thân hiện hành và sức ép đấu tranh của quần chúng nhân dân, chính quyền thuộc địa Pháp đã chủ trương tiến hành cải cách chế độ thuế thân theo hướng “công bằng hóa”: giảm chi phí thuế đối với người nghèo, tăng thuế đối với người giàu. Thực chất đây là sự du nhập tư tưởng “bình đẳng” và “công bằng” trong cách đánh thuế của Pháp vào Việt Nam.

Từ năm 1937, các chuyên gia tài chính, các cơ quan trong chính quyền thuộc địa Pháp bắt đầu tiến hành thảo luận về quy chế cải cách thuế thân ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Đa số các ý kiến đều thống nhất quan điểm rằng, chế độ thuế thân hiện hành thiếu công bằng, quá nặng đối với người nghèo và nhẹ đối với người giàu. Sự thiếu công bằng thể hiện ở hai phương diện chính: Thứ nhất, những người có nguồn thu lớn, giàu có cũng chỉ trả thuế thân 2,5 piastres/năm như những người nghèo; thứ hai, các đối tượng được miễn thuế không căn cứ vào thu nhập của họ mà chỉ căn cứ vào vị trí, địa vị xã hội và nghề nghiệp, trong khi khả năng nộp thuế của mỗi người lại dựa vào thu nhập: “Quy chế này bị chỉ trích mạnh mẽ vì đối lập với sự công bằng, là vật cản đối với nguồn thu công của chính quyền và sự thay đổi cấu trúc kinh tế của xứ Đông Dương” (27).

Sự bất cập và phương hướng cải cách chế độ thuế thân trở thành vấn đề trung tâm bàn cãi trong các khóa họp của các cơ quan trong chính quyền Pháp, thu hút sự chú ý của dư luận báo chí. Trong bài viết có tiêu đề “Thuế thu nhập” đăng trên tờ *Đuốc Nhà Nam*, người ta chỉ ra rằng: thuế thân hiện hành không công bằng và không phù hợp với thu nhập của mỗi người và cũng

không phù hợp với độ tuổi của từng người, vì người nghèo, người già yếu cũng chịu thuế giống như người giàu và người trẻ tuổi có sức khỏe tốt. Tác giả bài viết đề xuất: “một thuế thu nhập có tỷ lệ tăng dần theo từng cá nhân sẽ đảm bảo sự công bằng: thuế thấp đối với người nghèo, thuế vừa phải đối với người trung lưu và thuế cao đối với giàu có” (28).

Trong năm 1937 và đầu năm 1938, đã có nhiều dự án cải cách thuế thân được đệ trình lên chính quyền thuộc địa theo hướng “công bằng hóa”. Quan điểm chung là căn cứ vào nguồn thu của người dân Việt Nam để đánh thuế, gồm ba nguồn chính: từ đất trồng; lợi nhuận kinh doanh; lương hoặc trợ cấp. Mức thuế thân sẽ căn cứ vào các yếu tố tạo ra thu nhập của người dân là sở hữu ruộng đất, quy mô hoạt động kinh doanh thương mại hoặc công nghiệp và quy mô tiền lương hoặc trợ cấp hàng năm. Việc giảm thuế hoặc miễn thuế cũng phải căn cứ vào thu nhập của người dân, không nên căn cứ vào địa vị chính trị - xã hội hoặc nghề nghiệp. Tại khóa họp năm 1937 của Viện Dân biểu Bắc Kỳ, Trưởng thanh tra chính trị - hành chính Bắc Kỳ nêu ra sự cần thiết và tính hợp lý của chủ trương cải cách thuế thân như sau: “Thực chất thuế thân từ trước đến nay vẫn là loại thuế phân bổ. Việc phân bổ thuế như hiện nay là một sự độc đoán. Những hậu quả của nó là tầng lớp dân nghèo đang gắng gượng chịu đựng. Việc giảm thuế hoặc miễn thuế đối với số đông người nghèo khổ sẽ là thiệt hại lớn về kinh tế đối với chính quyền, nhưng điều này lại hợp lý vì họ không có gì để mà nộp thuế. Đánh thuế cao vào các hạng giàu cũng là hợp lý vì họ có khả năng tài chính và điều này cho phép chính quyền phân bổ gánh nặng thuế giữa người dân (29).

Dựa trên quan điểm này, năm 1937, chính quyền thuộc địa đã đệ thảo một Nghị định về cải cách thuế thân ở Bắc Kỳ và

Trung Kỳ. Theo đó, trên cơ sở căn cứ vào quy mô sở hữu ruộng đất, quy mô thuế môn bài, quy mô tiền lương hoặc trợ cấp, thuế thân được chia thành 6 hạng: hạng cao nhất nộp 200 piastres/năm; hạng thấp nhất nộp 1 piastre/năm (người không có ruộng đất, công nhân công nhật, thợ thủ công, phu, viên chức nhận lương dưới 180 piastres/năm). Đề xuất này vấp phải sự phản đối quyết liệt đến từ giai cấp địa chủ, tư sản có quyền lực về kinh tế và ảnh hưởng chính trị ở Bắc và Trung Kỳ. Họ cho rằng, biểu thuế dự kiến gây thiệt hại nặng nề về kinh tế đối với giới hữu sản. Giới tư sản và địa chủ chỉ trích rằng, tư tưởng “công bằng hóa” trong quy chế mới thực chất không công bằng. Vì, *thứ nhất*, quy mô sở hữu không thể phản ánh chính xác thu nhập của người sở hữu. Cùng một người sở hữu 500 ha đất, nhưng không thể bắt một người sở hữu 500 ha đất xấu nộp thuế như người sở hữu 500 ha đất tốt. Theo họ, việc chỉ căn cứ vào diện tích sở hữu mà không tính đến giá trị sản sinh ra từ diện tích là một sai lầm trầm trọng. *Thứ hai*, việc căn cứ vào thuế môn bài để đánh thuế thân cũng là điều mơ hồ, do thuế môn bài thì được ấn định một cách độc đoán hàng năm, hơn nữa không có tài liệu nào có thể ghi một cách chính xác doanh thu của mỗi nhà thương mại.

Cuộc tranh luận về cải cách thuế thân diễn ra quyết liệt trong giới cầm quyền Pháp suốt năm 1937 mà không có hồi kết. Chính quyền thuộc địa Pháp cũng tỏ ra lúng túng trước sức ép của giới địa chủ và tư sản. Khâm sứ Trung Kỳ thừa nhận: “Chủ trương cải cách thuế thân ở Trung Kỳ diễn ra trong một thời gian dài đã làm sôi nổi trong Viện Dân biểu Trung Kỳ và tạo ra một cuộc tranh luận quyết liệt trên báo chí, giữa hai phe: ủng hộ và chống lại dự luật cải cách thuế thân” (30).

Trong khi vấn đề cải cách thuế thân ở Trung Kỳ còn đang tranh cãi, thì ngày 23-

12-1937, Thống sứ Bắc Kỳ ký ban hành Nghị định về cải cách thuế thân ở Bắc Kỳ. Để thúc đẩy nhanh quá trình cải cách thuế thân ở Trung Kỳ, cuối năm 1937, Tiểu ban cải cách thuế thân đã trình lên Viện Dân biểu Trung Kỳ một dự thảo mới quy định về thuế thân. Mục tiêu tiếp tục theo đuổi trong dự thảo mới là tạo ra sự công bằng: giảm gánh nặng thuế đối với người nghèo, tăng thuế đối với người giàu nhưng vẫn đảm bảo tăng thu cho ngân sách thuộc địa. Dự thảo này chia thuế thân thành hai phần: thuế thân cơ sở (chính ngạch) và thuế thân tỷ lệ (xây dựng theo bậc thang lũy tiến căn cứ vào quy mô, chất lượng ruộng đất sở hữu, quy mô thuế môn bài và thu nhập từ tiền lương hoặc trợ cấp). Dự thảo mới này khắc phục được phần nào hạn chế của các dự thảo trước, khi bổ sung thêm căn cứ về chất lượng ruộng đất sở hữu của đối tượng chịu thuế và đặt ra bậc thang lũy tiến: “Dự thảo Nghị định tạo ra một bước tiến lớn trong con đường đi tới sự công bằng của thuế quan. Hơn thế, nếu dự thảo này không được áp dụng thì ngân sách của chính quyền bảo hộ sẽ mất mỗi năm hơn 1 triệu piastres” (31).

Tuy nhiên, việc đặt ra tỷ lệ lũy tiến trong dự thảo mới lại động chạm nhiều tới lợi ích của giới hữu sản, nhất là tư sản, địa chủ có nhiều ruộng đất. Trong các khóa họp năm 1938 của Viện Dân biểu Trung Kỳ, các đại biểu đại diện quyền lợi cho nhóm hữu sản tiếp tục phản đối quyết liệt dự thảo mới về thuế thân. Các cuộc tranh cãi giữa nhóm đại biểu bảo vệ lợi ích cho giới hữu sản và nhóm đại biểu bảo vệ lợi ích cho dân nghèo tiếp tục diễn ra. Tối ngày 19-9-1938, Tiểu ban bàn về cải cách thuế thân của Viện Dân biểu Trung Kỳ họp lần cuối để đưa ra quyết định: “Trong phiên nhóm này, hai phe Dân biểu và Dân thương mãi vẫn cứ bất đồng ý kiến về số thuế của những người có thuế môn bài. Một bên thì muốn

đánh thuế tỷ lệ lũy tiến, mà bên kia lại muốn đánh thuế tỷ lệ nhất định. Bàn qua cãi lại mãi cũng không giải quyết xong” (32). Do không thống nhất được quan điểm, cuối cùng các nghị viên buộc phải thống nhất đệ trình cả hai phương án cho chính quyền Pháp lựa chọn và chuẩn y.

4. Dự số 81 của Hoàng đế Bảo Đại về cải cách chế độ thuế thân ở Trung Kỳ

Sau khi tiếp nhận đề xuất của Viện Dân biểu Trung Kỳ, Hội đồng Thuộc địa Trung Kỳ đã nghiên cứu, thảo luận và đồng ý tiến hành cải cách thuế thân dựa trên cơ sở thu nhập và tỷ lệ lũy tiến. Ngày 16-11-1938, vua Bảo Đại ban hành Dự số 81 về cải cách chế độ thuế thân ở Trung Kỳ. Sau khi được Khâm sứ phê duyệt, Toàn quyền Đông Dương đã phê chuẩn Dự của vua Bảo Đại và cho áp dụng chế độ thuế thân mới từ ngày 1-1-1939. Dự số 81 của vua Bảo Đại nêu rõ lý do cần cải cách và ấn định chế độ thuế thân mới ở Trung Kỳ như sau: “Chúng tôi đánh giá rằng, luật thuế đang áp dụng hiện tại đối với người dân không có sự phân biệt người giàu và người nghèo, họ chịu chung một mức thuế như nhau. Quy định thuế này nhẹ đối với người này, nhưng quá nặng nề đối với người khác. Để tìm giải pháp mới phân bổ đóng thuế của người dân vào chi phí chung của chính quyền, để làm cho mỗi người dân tham gia đóng góp theo khả năng của họ vào chi phí của nhà nước, theo đề nghị của Thượng thư Bộ Hộ, sau khi thỏa thuận với Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ, dự rằng: Thiết lập thuế thân bao gồm thuế thân chính ngạch cố định và thuế thân tỷ lệ” (33).

Theo quy định mới thì đối tượng chịu thuế, hạng thuế và mức thuế như sau: Về đối tượng chịu thuế, thuế thân áp dụng đối với tất cả nam giới, đủ 18 tuổi trở lên (tính đến ngày 1/1 của năm chịu thuế) đến hết 60 tuổi.

Về hạng thuế, thuế chính ngạch cố định chia thành 2 hạng: hạng thứ nhất 0,60 piastre/năm áp dụng đối với tất cả nam giới trong độ tuổi chịu thuế, nhưng không sở hữu bất kỳ ruộng đất nào phải chịu thuế; không có hoạt động kinh tế nào dẫn tới việc phải đóng thuế môn bài hoặc không có bất kỳ nghề nghiệp gì đảm bảo nguồn thu thường xuyên trên 120 piastres/năm. Hạng hai nộp 1,50 piastres/năm, áp dụng cho các đối tượng còn lại.

Thuế thân tỷ lệ được chia thành các hạng căn cứ vào vị trí, quy mô, chất lượng sở hữu ruộng đất, thuế đất, quy mô tiền lương và quy mô thuế môn bài.

Đối với sở hữu ruộng đất ở nông thôn: miễn thuế tỷ lệ đối với các đối tượng trong độ tuổi chịu thuế thân nhưng chỉ nộp thuế đất dưới 3 piastres/năm. Các đối tượng nộp thuế đất từ 3 piastres/năm trở lên thì thuế thân tỷ lệ sẽ căn cứ vào vị trí, quy mô và chất lượng ruộng đất sở hữu để đánh thuế:

Bảng 1: Thuế thân tỷ lệ áp dụng cho các đối tượng sở hữu ruộng đất ở nông thôn (34)

STT	Hạng ruộng	Tỷ lệ áp thuế thân/sào
1	Thượng đẳng	0,15 piastre
2	Hạng nhất	0,11 piastre
3	Hạng hai	0,09 piastre
4	Hạng ba và bốn	0,05 piastre
5	Hạng năm và sáu	0,03 piastre

Căn cứ vào biểu thuế ruộng đất ở Trung Kỳ thì chỉ những người sở hữu vượt mức sau đây mới phải chịu thuế thân tỷ lệ: đối với ruộng trồng lúa là 6,10 sào thượng đẳng; 9,1 sào nhất đẳng; 1,1 mẫu nhị đẳng; 1,4 mẫu tam và tứ đẳng. Đối với đất trồng khác là 2 mẫu tam đẳng hoặc tứ đẳng và 3,3 mẫu ngũ đẳng hoặc lục đẳng. Trên thực tế, số lượng nông dân không có ruộng đất hoặc sở hữu diện tích ruộng đất không đáng kể ở các tỉnh Trung Kỳ chiếm tỷ lệ rất lớn, từ 50 đến 70% tổng số chủ sở hữu. Điều này đồng nghĩa với việc là một bộ

phần lớn nông dân và dân nghèo ở nông thôn không phải chịu thuế thân tỷ lệ.

Đối với chủ sở hữu bất động sản hoặc hoạt động kinh doanh buôn bán ở đô thị: Thuế thân tỷ lệ căn cứ vào vị trí đất sở hữu đất, quy mô thuế đất và thuế môn bài phải nộp để đánh thuế. Theo đó, miễn thuế thân tỷ lệ đối với chủ sở hữu và người kinh doanh buôn bán nộp thuế (thuế đất hoặc thuế môn bài) dưới 3 piastres/năm (ở trung tâm đô thị) và dưới 5 piastres (trong đô thị). Trên ngưỡng đó phải chịu thuế tỷ lệ như bảng 2:

Bảng 2: Thuế thân tỷ lệ áp dụng cho đối tượng sở hữu đất và kinh doanh ở đô thị (35)

TT	Thuế đất và thuế môn bài ở Trung tâm đô thị	Thuế đất và thuế môn bài ở trong đô thị	Tỷ lệ áp thuế thân (%)
1	Từ 3,01 đến 5 piastres	Từ 5,01 đến 8 piastres	25
2	Từ 5,01 đến 8 piastres	Từ 8,01 đến 16 piastres	30
3	Từ 8,01 đến 16 piastres	Từ 16,01 đến 30 piastres	35
4	Từ 16,01 đến 30 piastres	Từ 30,01 đến 50 piastres	40
5	Từ 30,01 đến 50 piastres	Từ 50,01 đến 100 piastres	45
6	Từ 50,01 đến 100 piastres	Từ 100,01 đến 160 piastres	50
7	Từ trên 100 piastres	Từ trên 160 piastres	60

Đối với viên chức, nhân viên hưởng lương, người được hưởng trợ cấp có thu nhập dưới 180 piastres/năm sẽ được miễn thuế thân tỷ lệ. Thu nhập trên 180 piastres/năm sẽ chịu thuế thân tỷ lệ như bảng 3:

Đối với ruộng đất công làng xã mà giao cho người dân sản xuất thì cũng coi như sở hữu tư nhân về quan điểm thuế thân. Người sản xuất trên ruộng đất công cũng bị xếp hạng và chịu thuế thân tỷ lệ như ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân.

Đối với viên chức, nhân viên, căn cứ để tính thuế thân tỷ lệ bao gồm tiền lương thực lĩnh, tiền thưởng, phụ cấp thường xuyên hoặc bất thường. Đối với những người buôn bán hoặc làm nhiều nghề khác

nhau, thì thuế thân tỷ lệ căn cứ vào tổng lợi tức mà họ thu được hàng năm.

Bảng 3: Thuế thân tỷ lệ áp dụng cho đối tượng hưởng lương hoặc trợ cấp (36)

STT	Lương hoặc trợ cấp hàng năm	Tỷ lệ áp thuế thân (%)
1	Từ 180 đến 300 piastres	0,20
2	Từ 300 đến 480 piastres	0,25
3	Từ 480 đến 660 piastres	0,30
4	Từ 660 đến 840 piastres	0,35
5	Từ 840 đến 1.200 piastres	0,40
6	Từ 1.200 đến 1.800 piastres	0,50
7	Từ 1.800 đến 2.400 piastres	0,75
8	Từ 2.400 đến 3.000 piastres	1,00

Về đối tượng được miễn thuế, Dự 81 của Bảo Đại nêu rõ, miễn thuế thân chính ngạch cho các đối tượng: người tàn tật được thừa nhận là không có khả năng nuôi sống bản thân; người già trên 60 tuổi; dân làng Quý hương; binh lính gồm lính gác, lính khố xanh, lính lưu hậu (dự bị), cựu binh lính tham gia Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất mà được hưởng chế độ trợ cấp vì bệnh tật hoặc bị thương trong quá trình phục vụ quân đội thuộc địa (37). Chúng tôi nhận thấy rằng, cuộc cải cách này đã thu hẹp đối tượng được miễn thuế. Trước đây, các đối tượng thuộc chức sắc hạng, quan viên tử hạng, học sinh, sinh viên được học bổng của chính quyền thuộc địa, binh lính lưu hậu,...đều được miễn thì sau cải cách các đối tượng này buộc phải đóng thuế thân.

Để làm rõ một số trường hợp đặc biệt và nhằm quản lý chặt chẽ người chịu thuế thân, trong Nghị định ban hành áp dụng chế độ thuế thân ở Trung Kỳ theo dự số 81 của Bảo Đại đã nêu rõ: Đối với đối tượng chịu thuế thân đăng bạ ở làng gốc (nơi sinh ra) nhưng sống ở làng khác thì thuế thân sẽ do Lý trưởng thu theo sổ thuế tại làng gốc của người chịu thuế. Tuy nhiên, người chịu thuế thân cũng có thể nộp thuế cho Lý

trưởng của làng nơi anh ta sinh sống mà không phải là làng gốc của mình, nhưng với điều kiện phải báo cáo và được sự đồng ý của Lý trưởng làng gốc.

Đối với những người chịu thuế thân mà có tài sản là ruộng đất ở một làng khác không phải làng mà anh ta đăng bạ, thì Lý trưởng của làng nơi có tài sản của người chịu thuế cần phải gửi cho Lý trưởng của làng nơi người chịu thuế đăng bạ danh mục các tài sản của người chịu thuế. Trong danh mục này cần phải làm rõ diện tích ruộng đất, hạng ruộng đất của chủ sở hữu. Căn cứ vào đó, Lý trưởng làng gốc của người chịu thuế sẽ định hạng, mức thuế phải nộp và thu thuế. Còn đối với chủ sở hữu ruộng đất trong diện chịu thuế thân mà có tài sản ở làng nơi mà người chịu thuế đăng bạ, thì Lý trưởng căn cứ theo diện tích, hạng ruộng đất trong sổ địa bạ của làng để thu thuế.

Trong trường hợp nhượng quyền sở hữu bất động sản hoặc nhượng quyền kinh doanh buôn bán diễn ra trong năm, nếu chủ sở hữu chưa trả thuế thân tỷ lệ thì ngay lập tức chủ sở hữu phải trả thuế thân trước khi nhượng quyền (38).

Đối với những cá nhân hưởng lương hoặc trợ cấp thì việc thu thuế thân căn cứ vào sổ thuế được thiết lập bởi Công sứ tỉnh hoặc Đốc lý thành phố nơi người chịu thuế sinh sống. Đối tượng này phải nộp thuế một lần. Tuy nhiên, nếu thuế thân của nhóm đối tượng này vượt quá 5 piastre mỗi năm thì có thể nộp làm hai lần.

Để kiểm soát chặt chẽ người chịu thuế theo tỷ lệ có thu nhập từ lương và tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập sổ thuế, Nghị định này quy định, các cơ quan hành chính, công quyền (với đối tượng là viên chức hành chính, nhân viên), Sở Kho bạc (đối với người được hưởng trợ cấp, lương hưu), giới chủ (với nhân viên các công ty) phải cung cấp hàng năm (trong vòng 15 ngày đầu tiên của tháng

1) cho kiểm soát viên của Sở Thuế trực thu danh sách các cá nhân liên quan, gồm tên, tuổi, làng, tỉnh gốc, số tiền lương, trợ cấp nhận hàng tháng.

Nếu các cơ quan hành chính, công quyền và chủ sử dụng lao động không báo cáo đúng thực tế về số lượng, mức lương của nhân viên trong diện chịu thuế thân (bỏ sót đối tượng, báo cáo số tiền lương thấp hơn thực tế được nhận), nếu bị Sở thuế trực thu phát giác thì người chịu thuế sẽ bị phạt số tiền gấp đôi mức thuế phải nộp (39).

Cải cách thuế thân năm 1938 ở Trung Kỳ đảm bảo được đúng hai mục tiêu của chính quyền thuộc địa Pháp đặt ra: nguồn thu tài chính và có phần công bằng hơn quy chế thuế cũ. Biểu thuế mới trước hết đã giảm nhẹ một phần gánh nặng thuế đối với đại bộ phận dân nghèo ở Trung Kỳ. Trước kia, đại bộ phận nông dân phải trả 2,5 piastre/năm, sau cải cách trung bình mỗi nông dân chỉ phải trả 1,05 piastre. Thuế thân giảm nhiều nhất đối với hạng dân nghèo ở nông thôn và thành thị, họ chỉ phải nộp 0,60 piastres/năm.

Thuế thân đối với hạng hữu sản, đặc biệt là những người có nhiều ruộng đất, gia sản như địa chủ, tư sản tăng lên do áp dụng biểu thuế thân tỷ lệ bậc thang lũy tiến. Chính điều này giúp chính quyền vừa đảm bảo tăng nguồn thu tài chính, vừa giảm một phần gánh nặng chi phí thuế cho người nghèo, góp phần giải quyết những vấn đề bất ổn trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, điều mà Toàn quyền Brévié đặt ra ở đầu nhiệm kỳ. Trên thực tế, nguồn thuế thu được của Trung Kỳ tăng lên rõ ràng từ 5,7 triệu piastres năm 1936 lên 7,0 triệu piastres vào 1939. Cùng giai đoạn này, nguồn thu của Bắc Kỳ tăng từ 11,0 triệu piastres lên 13,3 triệu piastres (40).

5. Kết luận

Cải cách ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ dưới thời cầm quyền của Chính phủ Mặt trận Nhân

dân Pháp mạnh mẽ trong các đợt cải cách thuế thân ở Việt Nam kể từ khi Pháp thiết lập chế độ cai trị. Tính triệt để thể hiện rõ nhất là việc xóa bỏ “đồng nhất mức thuế” cho tất cả các đối tượng chịu thuế, tạo ra sự công bằng tương đối bằng việc phân hạng và áp mức thuế tương ứng cho từng hạng. Ở Bắc Kỳ, sau cải cách năm 1937, thuế thân người Việt từ một hạng được chia thành 14 hạng, tùy theo vị trí, quy mô sở hữu ruộng đất và quy mô thu nhập của người chịu thuế (từ buôn bán, lương, trợ cấp). Ở Trung Kỳ, sau cải cách năm 1938, thuế thân người Việt từ một hạng được chia thành 2 hạng cố định và nhiều bậc tỷ lệ lũy tiến. Điều này phù hợp và công bằng với từng đối tượng chịu thuế hơn quy chế cũ.

Giới cầm quyền Pháp cho rằng đây là một “sự ân xá về thuế ở Đông Dương”. Jean Odin (Thượng nghị sĩ Pháp) ca ngợi đây là “một cuộc cải cách tổng thể và sâu sắc vừa mới được thực hiện trong hệ thống thuế ở Đông Dương. Hiện tại, hệ thống thuế này đã thích ứng tốt hơn với các lĩnh vực đóng góp của các hạng chịu thuế khác nhau trong dân cư. Hệ thống này công bằng hơn cho đại bộ phận người nông dân” (41).

Thuế thân ở Việt Nam sau cải cách là sự kết hợp giữa tính hiện đại của thuế thu nhập cá nhân trong xã hội hiện đại của Pháp và tính truyền thống của xã hội phong kiến Việt Nam. Tính hiện đại trong thuế thân thể hiện ở việc phân hạng, định mức thuế dựa trên khả năng tạo ra thu nhập của mỗi người. Tính truyền thống của xã hội phong kiến Việt Nam thể hiện ở khía cạnh giới tính (chỉ áp dụng cho nam giới), độ tuổi (chỉ áp dụng từ đủ 18 đến hết 60 tuổi), địa vị xã hội (một số người có địa vị đặc biệt trong xã hội được miễn), cơ chế kiểm soát, cách thu và phân bổ chủ yếu dựa vào thiết chế làng xã cổ truyền của người Việt.

Sau các cuộc cải cách, cùng với thể thuế thân, cơ chế quản lý các đối tượng chịu

thuế ngày càng chặt chẽ hơn, vai trò của Sở thuế trực thu, chính quyền thuộc địa cấp xứ, cấp tỉnh và chính quyền làng xã tiếp tục được duy trì và củng cố. Trong đó, thiết chế làng xã đóng vai trò trung tâm trong việc trực tiếp tổ chức kê khai dân đinh, lập sổ thuế, đốc thúc, thu và cấp thẻ thuế. Điểm nổi bật trong quản lý thuế thân sau cuộc cải cách là mối liên hệ và vai trò của các cơ quan hành chính công quyền, chủ các công ty, đồn điền trong việc tham gia trực tiếp vào việc cung cấp thông tin liên quan tới thu nhập của nhân viên và lao động, tạo cơ sở cho việc phân hạng thuế cố định và thuế tỷ lệ.

Mặc dù đã có quy định tương đối rõ ràng, nhưng cách phân hạng thuế cố định và thuế thân tỷ lệ dựa theo vị trí, quy mô sở hữu ruộng đất và quy mô thuế môn bài, tiền lương, trợ cấp gây ra nhiều khó khăn cho chính quyền thuộc địa Pháp trong việc quản lý tài sản và thu nhập của người chịu thuế. Ở các vùng nông thôn, giới địa chủ và tư sản tìm cách ẩn lậu ruộng đất hoặc báo cáo không đúng về hạng ruộng đất nhằm giảm chi phí thuế đất và thuế thân. Tình trạng ẩn lậu quy mô tiền lương nhân viên, phụ tá trong các đồn điền, công ty của giới chủ cũng không phải là hiếm. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới nguồn thu của chính quyền thuộc địa mà làm mất đi một phần tính chất “công bằng” trong quy chế thuế thân mới. Trên thực tế, gánh nặng thuế thân chủ yếu đè nặng lên đại bộ phận dân nghèo Việt Nam. Chính vì thế, thuế thân vẫn là một trong những nguyên nhân gây ra nổi thống khổ đối với người dân Trung Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung. Về điều này, nhà sử học Pháp Phillipe Devillers đánh giá: “Chỉ riêng sức nặng và tính chất của các loại thuế má, không kể đến các nguyên nhân khác, cũng đủ làm cho dân chúng phải căm ghét chúng ta.

Những cách thu thuế và giám sát lại làm cho họ cảm giận hơn nữa” (42).

Từ sau năm 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương tiếp tục lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ. Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, đất nước được độc lập,

nhân dân Việt Nam mới được giải thoát khỏi chế độ thuế thân. Ngày 7-9-1945, Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban bố Sắc lệnh số 11 bãi bỏ chế độ thuế thân “vì là một thứ thuế vô lý, trái ngược với tinh thần chính thể Cộng hòa Dân chủ” (43).

CHÚ THÍCH

(1). Xem thêm các bài viết về thuế thân của tác giả công bố trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử: Thuế thân và sưu dịch ở Nam Kỳ dưới thời Pháp đô hộ*, số 11, năm 2018 (trang 3-20); *Thuế thân và lao dịch ở Trung Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX: Nghiên cứu trường hợp và so sánh* (kỳ I), số 8, năm 2020 (tr.39 -48); kỳ II, số 9, năm 2020 (tr. 37 - 49).

(2). *Le Populaire (Organe central du Parti socialiste)*, le 4 mai 1936, tr.1.

(3). Claire Marynowier, *Front populaire, réforme coloniale manquée?*, Conférence du Comité d'histoire de la ville Paris, 2016, tr.5.

(4), (5). Henri Guernut là hội viên của Hội bảo vệ quyền con người và quyền công dân Pháp, cựu Nghị sĩ, cựu Bộ Trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Pháp, Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp (ANOM) FRANOM/GUERNUT 1 à 107: *Commission d'enquête dans les territoire d'outre-mer /Commission Guernut 1918 - 1939*.

(6), (7). Bản báo cáo này hiện đang lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ Hải Ngoại Pháp ở Aix en Provence ANOM/FM/7AFFECO/CARTON 26: *Travailleurs en Indochine*/Justin Godart: Sénateur-ancien Ministre, Délégué général du Gouvernement aux colonies, Rapport de Mission en Indochine 1 janvier - 14 mars 1937.

(8). *Công Luận báo*, số 7480 ngày 10-8-1937, tr.1.

(9), (10), (11). Thơ công khai của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi các đồng chí toàn Đảng, *Văn Kiện Đảng toàn tập*, tập 6 (1936 - 1939), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.22 - 23.

(12) (13), (14), (15). Nghị quyết của toàn thể Hội nghị của Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 20, 30 tháng 3 năm 1938 và Thông báo ngày 25-2-1938 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về vấn đề bầu cử và thuế, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6 (1936 - 1939), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.355, 340.

(16). Tạ Thị Thúy (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945*, tập 9, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, tr.454 -455.

(17). Cuộc đón tiếp ông Justin Godart, báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 9-3 và ngày 11-3-1937.

(18). Hoàng Đạo, Thuế thân và thuế hoa lợi, báo *Ngày Nay*, số ngày 27-12-1936.

(19). Điền Dân, Nguyên vọng chung của nhân dân Đông Dương, báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 1-1-1937.

(20). Nghịch thuế thân ở Trung Kỳ nên cải cách như thế nào?, *Tràng An báo*, số ra ngày 2-8-1938.

(21). Kỳ hội đồng Dân biểu Trung Kỳ năm nay, báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 13-11-1937.

(22). Bài diễn văn của ông Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ đọc tại buổi bế mạc ngày 10/11/1937, báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 22-11-1937.

(23), (24), (25), (41). Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp, ANOM/FM/Indochine/ Carton 222/Dossier 256: *Finances et fiscalité en Indochine*/Arrêté d'application du réforme du régime de l'impôt personnel en Annam et Le système fiscal indochinoise.

(26), (27), (30), (31), (32), (33), (34), (35), (36), (37), (38), (39). ANOM/FM/Indochine/ Carton 222/Dossier 253: *Impôts en Indochine 1920-1953*/la réforme de l'impôt personnel en Annam et Ordonnance royale du n° 81, du 25e jour du 9e mois de la 13e année de Bao Dai (16 novembre 1938).

(28). L'impôt sur le revenu, *Le Frambeau d'Annam*, 26 aout 1937, tr. 3.

(29). Chambre des Représentants du Peuple du Tonkin, *Compte rendu des travaux de la session ordinaire de l'année 1937*, Résidence supérieure au Tonkin, Hanoi, 1937, tr.165-166.

(40). Gouvernement général de l'Indochine, Résumé statistique relatif aux années 1913 à 1940, Hanoi, 1941, tr.17.

(42). Philippe Devillers, *Người Pháp và người An Nam bạn hay thù*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 585.

(43). Sắc lệnh số 11 của Chính phủ lâm thời ngày 7 tháng 9 năm 1945 về bãi bỏ thuế thân (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật Trung ương: <http://vbpl.vn/TW>).